CON NGƯỜI HIỆN SINH TRONG *NHỮNG ĐỨA TRẺ CHẾT GIÀ* CỦA NGUYỄN BÌNH PHƯƠNG

NGUYỄN PHƯỚC THOẠI TRINH[*],
ĐẶNG PHƯƠNG ANH[**], NGUYỄN KHÁNH NHI[***],
ĐỖ TRẦN HÀ TRANG[****], HOÀNG THỊ THÙY DƯƠNG[*****]

Tóm tắt: Bài viết nghiên cứu hình tượng con người hiện sinh trong *Những đứa trẻ chết già* trên ba phương diện: niềm tin tâm linh như một lối thoát mong manh, sự phá vỡ cấu trúc liên chủ thể trong quan hệ với tha nhân và tính phi lí như một cách để con người nhận thức thân phận. Trong đó, nghiên cứu sử dụng phương pháp liên ngành với sự kết hợp giữa văn hóa học, tâm lí học và xã hội học để có góc nhìn đa chiều. Kết quả cho thấy khi thực tại trở nên rối loạn và khó lí giải, nhân vật sẽ bám víu vào các tín hiệu tâm linh để xoa dịu bất an. Tuy nhiên, điều đó lại dẫn đến khủng hoảng nhận thức, thất bại trong những mối quan hệ, bị tước bỏ khả năng hiện hữu và dần rơi vào tha hóa. Trên nền tảng ấy, cái phi lí chi phối đời sống nhân vật, làm nổi bật mặc cảm, hoài nghi và cô đơn. Bài viết góp thêm một góc nhìn đối với tác phẩm *Những đứa trẻ chết già* của Nguyễn Bình Phương nói riêng, văn học đương đại Việt Nam nói chung.

Từ khóa: con người hiện sinh, Nguyễn Bình Phương, *Những đứa trẻ chết già*, niềm tin tâm linh, phá vỡ cấu trúc liên chủ thể, tính phi lí.

THE EXISTENTIAL HUMAN IN THE *CHILDREN WHO DIED OLD* BY NGUYỄN BÌNH PHƯƠNG

Abstract: This article analyzes the representation of existential humanity in *The Children Who Died Old* (*Những đứa trẻ chết già*) from three perspectives: spiritual belief as a fragile means of escape, the disruption of intersubjective structures with others, and absurdity as a framework for recognizing the human condition. The interdisciplinary methodology integrates cultural studies, psychology, and sociology to offer a multidimensional analysis. The findings indicate that when reality becomes chaotic and inexplicable, the characters resort to spiritual symbols to alleviate anxiety, which ultimately results in cognitive crises, relational failures, diminished existential capacity, and progressive alienation. Consequently, absurdity shapes the characters' lives, emphasizing their experiences of inadequacy, skepticism, and isolation. This article provides a new perspective on *The Children Who Died Old* by Nguyễn Bình Phương and contributes to the broader discourse on contemporary Vietnamese literature.

Keywords: Existential human beings, Nguyễn Bình Phương, *The Children Who Died Old*, spiritual beliefs, the breakdown of intersubjective structures, absurdity.

Ngày nhận bài: 25.2.2026; ngày gửi phản biện: 26.02.2026;
ngày nhận bài sửa: 21.03.2026; ngày duyệt đăng: 06.04.2026.

[*] Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. Email: trinhthoai641@gmail.com
[**] Email: dangphuonganh2705@gmail.com
[***] Email: nguyenkhanhnhi2911@gmail.com
[****] Email: dotranhatrang17032005@gmail.com
[*****] TS. - Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. Email: duonghtt@hcmue.edu.vn

1. Giới thiệu

Khi xã hội loài người chuyển đổi các trạng thái, chẳng hạn từ chiến tranh sang đời sống hòa bình và ngược lại, con người cũng phải đối diện với nhiều biến động và khoảng trống tinh thần. Cụ thể, con người dễ rơi vào trạng thái chông chênh, cô đơn và mang trong mình nỗi băn khoăn thường trực về ý nghĩa của sự tồn tại. Đối với xã hội Việt Nam, việc bước từ trạng thái chiến tranh sang thời bình đã để lại nhiều biến động và sự đổi thay trong văn học, mà sự đổi thay lớn nhất có lẽ là việc văn học đã tìm về nhiều hơn bản thể tâm thức, những vùng tối và góc khuất của cá nhân con người mà trước đó chưa được chú ý. Dấu mốc của sự đổi thay này chính là công cuộc Đổi mới năm 1986, khi văn học nhìn nhận con người một cách toàn diện từ nhiều "tọa độ" khác nhau, đặc biệt chú trọng đến con người cá nhân, đời thường trên tinh thần nhân bản. Jean-Paul Sartre, một trong những đại diện tiêu biểu của chủ nghĩa hiện sinh đã khẳng định: "Con người trước hết phải hiện hữu, gặp gỡ nhau, xuất hiện ra trong thế giới đã, rồi theo đó tự định nghĩa mình"[1]. Điều này nhấn mạnh con người trước hết phải hiện hữu, tồn tại và tự định nghĩa bản chất của mình thông qua những lựa chọn, hành động tự do và cũng phải gắn liền với trách nhiệm cá nhân. Triết học hiện sinh được đặt ra để giải đáp những câu hỏi: Con người sống như thế nào khi thực tại trở nên bấp bênh, khi niềm tin lung lay, khi bản thân cảm thấy lạc lõng giữa chính cuộc đời mình? Việc tiếp cận văn học từ góc nhìn hiện sinh sẽ giúp đọc sâu hơn về đời sống tinh thần nhân vật, nhận ra các khủng hoảng, lựa chọn và giới hạn mà nhân vật phải đối diện.

Nguyễn Bình Phương là một trong những tác giả tiêu biểu của văn học Việt Nam đương đại. Với nỗ lực cách tân không ngừng, nhà văn đã khẳng định vị thế của mình bằng những giải thưởng danh giá như: Giải thưởng Thơ của Hội Nhà văn Hà Nội (2012), Giải thưởng Văn xuôi của Hội Nhà văn Hà Nội (2015), Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam (2020), Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam (2021), Giải thưởng ASEAN (S.E.A Write) (2022). *Những đứa trẻ chết già* xuất hiện vào năm 1994 là minh chứng cho quan niệm "văn chương là khám phá nội tâm" mà nhà văn kiên trì theo đuổi.

2. Lịch sử vấn đề và phương pháp nghiên cứu

Ở Việt Nam, chủ nghĩa hiện sinh và việc vận dụng chủ nghĩa hiện sinh trong nghiên cứu văn học đã được quan tâm, từ giới thiệu lí thuyết đến khảo sát thực tiễn đời sống văn học. Trong không gian văn học Việt Nam từ sau 1986, khi văn xuôi ngày càng chú ý hơn đến đời sống tinh thần cá nhân và những bất ổn nội tâm trước các biến động của xã hội, những nỗi cô đơn, hoang mang, đứt gãy niềm tin hay khủng hoảng ý nghĩa sống đã trở thành vấn đề nổi bật. Từ bối cảnh ấy, cách tiếp cận hiện sinh có cơ sở để được vận dụng như một hướng đọc giúp lí giải sâu hơn các trạng thái hiện hữu của nhân vật trong văn xuôi đương đại. Đầu tiên, không thể không nhắc đến công trình mang tính nền tảng của Nguyễn Tiến Dũng với tiêu đề *Chủ nghĩa hiện sinh: Lịch sử, sự hiện diện ở Việt Nam* (1999). Nghiên cứu đã thực hiện nhiệm vụ giải mã chủ nghĩa hiện sinh một cách khách quan trên cả hai phương diện triết học và văn hóa, đồng thời dành sự quan tâm đặc biệt cho việc phân tích sự du nhập và tầm ảnh hưởng

[1] Jean-Paul Sartre, *Thuyết hiện sinh là một thuyết nhân bản*, Đinh Hồng Phúc dịch (NXB Tri thức, 2015), 32.

sâu rộng của trào lưu này tại Việt Nam, đặc biệt là ở đô thị miền Nam giai đoạn 1954-1975. Trong bài viết *Quan niệm của thuyết hiện sinh về sự cô đơn và ý nghĩa nhân sinh của nó với xã hội phát triển* (2019), Nguyễn Tiến Dũng đã nhấn mạnh và tiếp cận sự cô đơn trong chủ nghĩa hiện sinh một cách sâu sắc, một khía cạnh của sự hiện hữu và sự dấn thân. Trong bài viết *Phương thức huyền thoại hóa trong tổ chức cốt truyện của tiểu thuyết Nguyễn Bình Phương* (2020), tác giả Nguyễn Thị Thủy khẳng định Nguyễn Bình Phương đã thực hiện bước đột phá về thể loại bằng cách xây dựng dạng thức cốt truyện mới lạ dựa trên việc khai thác motif dân gian, vận dụng yếu tố ngẫu nhiên và kết nối mạch truyện bằng yếu tố huyền ảo. Về tiểu thuyết *Những đứa trẻ chết già*, bài phê bình *Khuynh hướng hiện thực huyền ảo trong Những đứa trẻ chết già* của Thụy Khuê đã dựa trên cơ sở hiện thực huyền ảo để làm nổi bật yếu tố thực - ảo tồn tại song song trong tác phẩm.

Tuy nhiên, cho đến nay vẫn chưa có nhiều công trình khảo sát trực tiếp vấn đề con người hiện sinh trong *Những đứa trẻ chết già* của Nguyễn Bình Phương một cách có hệ thống. Các bài viết trên chỉ mới nói chung về cảm giác bất an, cô độc, rối loạn hay phi lí nhưng chưa chỉ ra cụ thể con người hiện sinh trong tác phẩm được thể hiện qua những mặt nào và các mặt đó liên quan với nhau ra sao trong đời sống nhân vật. Vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm mục đích: i. làm rõ biểu hiện con người hiện sinh qua sự sụp đổ niềm tin vào thực tại và xu hướng bám víu vào các tín hiệu tâm linh như một điểm tựa tinh thần mong manh để tự trấn an, đồng thời chỉ ra hệ quả của sự bám víu ấy là trạng thái rối loạn nhận thức và nhập nhằng giữa thực và ảo; ii. phân tích sự đổ vỡ trong quan hệ giữa người với người, thể hiện ở việc nhân vật khó tạo kết nối, khó được thấu hiểu, từ đó càng cô độc và dễ rơi vào tách rời, tha hóa; iii. nhận diện tính phi lí như một trải nghiệm chi phối đời sống nhân vật, làm nổi bật mặc cảm, hoài nghi và ý thức về thân phận. Qua đó, nghiên cứu góp phần bổ sung một hướng tiếp cận phù hợp, có thể vận dụng trong nghiên cứu văn xuôi Việt Nam đương đại.

Bài viết sử dụng các phương pháp nghiên cứu chính: phương pháp liên ngành, phương pháp cấu trúc - kí hiệu học, phương pháp cấu trúc - hệ thống và phương pháp lịch sử. Sự kết hợp của các phương pháp này sẽ tạo ra góc nhìn đa chiều cho vấn đề nghiên cứu. Đặc biệt, việc soi chiếu tác phẩm trong dòng chảy lịch sử văn hóa giúp làm rõ quá trình tiếp biến của triết học hiện sinh, từ một trào lưu phương Tây trở thành một mã nghệ thuật trong thi pháp của Nguyễn Bình Phương.

3. Nội dung nghiên cứu

3.1. Con người bám víu vào niềm tin tâm linh và những khủng hoảng nhận thức

Trong thế giới của *Những đứa trẻ chết già*, người làng Phan đánh mất niềm tin vào một thực tại tuân theo các quy luật khách quan và logic nhân quả. Khác với xu hướng coi thiên nhiên là bối cảnh tĩnh tại và có thể tiên liệu, Nguyễn Bình Phương đã trả lại cho thiên nhiên diện mạo của một lực lượng khách quan, khó lường và vượt ngoài tầm nhận thức. Ngay từ những trang đầu, làng Phan hiện ra với những dấu hiệu dị thường: những hiện tượng kì lạ xảy ra trên dòng sông Linh Nham: "Nước sông Linh Nham nóng rẫy, cá và ba ba chết dạt trắng

hai bên bờ"[1] hay sự xuất hiện của dải sao chổi như một điềm báo về sự tận thế của trật tự cũ: "Sao chổi bay chéo bầu trời, soi rõ từng lớp sương đang lờ đờ chuyển động. Trong ánh sáng trắng xanh ấy lấp lóa hình một con thú bằng không khí đang tan ra lẫn vào màn hơi đục mờ của thung lũng đầu đông"[2].

Không đơn thuần là tả cảnh dị thường, những chi tiết trên minh chứng cho việc lí trí con người hoàn toàn bất lực trước thực tại. Khi thiên nhiên không còn vận hành theo quy luật vốn có, con người nhận ra thực tại là một chuỗi những sự kiện phi lí và tàn khốc. Sự mất niềm tin ở đây cụ thể là sự sụp đổ của tư duy logic, khi mọi nỗ lực giải thích thế giới bằng trí tuệ đều trở nên vô nghĩa, đẩy nhân vật vào trạng thái hoang mang hiện sinh. Vì thế, thực tại không còn là điểm tựa vững chãi mà trở nên xa lạ, đầy rẫy những biến cố phi lí vượt ngoài tầm kiểm soát của con người. Việc con người mất niềm tin vào thực tại không chỉ đến từ thiên tai mà còn từ sự đứt gãy trong các mối quan hệ giữa người với người, hay kì lạ hơn là từ những con người dị hợm, yểu mệnh, báo hiệu sự cạn kiệt về sức sống và tương lai của cộng đồng.

Sự bất lực trước thực tại đẩy các nhân vật vào trạng thái bị ném vào thế gian. Họ sống trong một không gian tù túng, nơi quá khứ và hiện tại đan cài vào nhau tạo nên một mớ hỗn độn không thể phân định. Trong giấc mơ của gã đánh xe, nỗi cô đơn dần trở thành tuyệt vọng, và dường như cái chết lại là con đường giúp ông thoát khỏi thực tại mịt mù: "Ngủ là chết tạm thời. Chết lại không phải là hết. Ông căm thù hai quan niệm đó bởi vì ông sợ sự bất tận"[3]. Khi những nỗ lực lí giải bằng lí trí trở nên vô hiệu, thực tại đối với họ chỉ còn là một chuỗi những sự kiện rời rạc và vô nghĩa. Chính sự trống rỗng này đã tạo nên một lỗ hổng trong tâm thức, khiến con người luôn sống trong cảm giác hoang mang và bất an thường trực. Vì vậy, họ càng rời xa khả năng lựa chọn và hành động tự do, biến mình thành nô lệ cho những định mệnh ảo tưởng.

Đỉnh điểm của sự mất niềm tin vào thực tại chính là sự tan rã của các giá trị nhân bản. Con người trong tác phẩm không còn tìm thấy sự kết nối mật thiết với đồng loại; thay vào đó, họ nhìn nhau bằng ánh mắt nghi kị, sợ hãi trước những điều không thể giải thích. Thực tại trở thành một "nhà tù" vô hình mà ở đó, cái chết và sự biến mất diễn ra một cách thản nhiên. Khi thực tại không còn mang lại ý nghĩa hay sự an toàn, con người buộc phải quay lưng lại với nó để tìm kiếm một điểm tựa khác, dù đó chỉ là những ảo ảnh mơ hồ trong cõi tâm linh siêu thực.

Khi niềm tin vào thực tại sụp đổ, tâm linh hiện ra như một "phao cứu sinh" cuối cùng để con người bám víu nhằm xoa dịu nỗi đau hiện sinh. Trong *Những đứa trẻ chết già*, thế giới tâm linh không chỉ là tín ngưỡng tôn giáo mà là một hệ thống các mộng tưởng và những biểu tượng kì bí. Đối diện với sự vô nghĩa, các nhân vật tìm đến tâm linh như một phương cách để lấp đầy khoảng trống hiện sinh. Trong công trình *Thuyết hiện sinh là một thuyết nhân bản*, Sartre khẳng định: "Người hiện sinh cũng sẽ không nghĩ rằng con người có thể tìm thấy một sự cứu giúp trong một cung mệnh cho sẵn, nơi thế gian sẽ định hướng họ; vì họ nghĩ rằng con người tự giải mã cung mệnh theo ý thích của mình"[4]. Soi chiếu vào thế giới nghệ thuật của Nguyễn

[1] Nguyễn Bình Phương, *Những đứa trẻ chết già* (NXB Văn học, 1994), 15.
[2] Như trên, 159.
[3] Như trên, 142.
[4] Sartre, *Thuyết hiện sinh là một thuyết nhân bản*, 45.

Bình Phương, có thể thấy nhân vật Ngân "sùi" là minh chứng điển hình cho quan điểm này. Cô bé đắm chìm trong việc vẽ bản đồ óc rồng, tin vào sự tồn tại của con Nghê khổng lồ ẩn mình trong các quả đồi: "Anh có thấy không, thủ đô nằm ở đây là không hợp. Phải nằm ở Linh Nham nhà mình cơ, vì Linh Nham mới chính là óc của con rồng"[1]. Việc bám víu vào mộng tưởng này giúp nhân vật tạo ra một trật tự giả tạo, một ý nghĩa thay thế cho cái phi lí đang bủa vây, giúp họ tạm thời quên đi sự cô độc của bản thân trước định mệnh tàn khốc.

Sự bám víu này mang tính chất một phản ứng tạm thời, một sự tự lừa dối để xoa dịu cảm xúc bất an. Các nhân vật dùng tâm linh để giải thích cho những bất hạnh mà họ không thể lí giải bằng logic, như cách lão Liêm tin vào bí mật dòng họ hay cách người dân sợ hãi những vết chân thú lạ. Sartre lí giải sự cô độc này khi con người không còn điểm tựa: "Không một Thượng đế nào, không một dự tính nào có thể làm cho thế giới và khả hữu của nó thích ứng với ý chí của tôi"[2]. Niềm tin ấy không giúp họ thay đổi được thực cảnh mà ngược lại, nó tạo ra một trạng thái nhập nhằng giữa thực và ảo. Tâm linh ở đây không mang tính cứu chuộc mà mang tính chất giải tỏa cảm xúc nhất thời, là nơi con người ẩn nấp khi không đủ can đảm đối diện với hố thẳm của sự vô nghĩa.

Việc bám víu vào hình ảnh con Nghê khổng lồ từ những quả đồi hay các vết chân thú lạ cho thấy nỗ lực của tác giả trong việc tăng cường nỗi sợ: "Nhưng người giầu tưởng tượng hơn nữa sẽ dễ dàng nhận ra rằng những quả đồi to xếp với nhau thành hình con Nghê. Đấy là một bí mật, bởi vì chưa ai được đặt chân lên đỉnh đồi nhà lão, mà chỉ ở đỉnh quả đồi này mới có thể nhìn ra hình con vật kì dị đó"[3]. Đây là lối thoát mong manh vì nó dựa trên những diễn giải mù quáng. Hình tượng con Nghê ở đây không đóng vai trò cứu rỗi mà là một "chiếc mặt nạ" giúp nhân vật tạm thời đình chỉ nỗi lo âu hiện sinh. Càng lạm dụng niềm tin siêu nhiên để trốn tránh, con người càng rơi sâu vào khoảng trống siêu thực. Sự lệ thuộc vào các điềm báo khiến nhân vật đánh mất khả năng hành động. Thay vì giải quyết các mâu thuẫn trong đời sống, họ lại chờ đợi một sự sắp đặt từ những thế lực siêu nhiên. Lối thoát tâm linh hóa ra lại là một cái bẫy tinh thần: nó không làm tan biến nỗi sợ mà chỉ làm cho nỗi sợ ấy trở nên huyễn hoặc hơn, khiến con người dần rời xa bản thể của chính mình để hòa tan vào những mộng tưởng không có thực, dẫn đến sự tan rã của cái tôi cá nhân.

Sự kết hợp giữa thực tại đổ nát và niềm tin mù quáng đẩy các nhân vật của Nguyễn Bình Phương vào một cuộc khủng hoảng nhận thức trầm trọng. Đây không chỉ là sự nhầm lẫn nhất thời mà là một trạng thái hoang mang cực độ về sự tồn tại. Đỉnh điểm của khủng hoảng nhận thức là khi chủ thể hiện lên qua những suy tư đầy u uẩn về sự tồn tại đơn độc. Nhân vật của Nguyễn Bình Phương không chỉ tách rời khỏi cộng đồng mà còn bắt đầu cảm thấy xa lạ với chính những diễn biến trong tâm sinh lí của mình: "Ông cô đơn. Một nỗi cô đơn mang khoái cảm ủ ê, tuyệt vọng. Càng ngày ông càng thấy xuất hiện những cảm giác lạ và hay nghĩ đến cái chết"[4]. Nỗi cô đơn không đơn thuần là sự thiếu vắng tha nhân, mà là một "khoái cảm ủ ê",

[1] Nguyễn Bình Phương, *Những đứa trẻ chết già*, 321-322.
[2] Sartre, *Thuyết hiện sinh là một thuyết nhân bản*, 54-55.
[3] Nguyễn Bình Phương, *Những đứa trẻ chết già*, 66.
[4] Như trên, 142.

có thể thấy rõ trạng thái tâm lí nghịch dị khi chủ thể bắt đầu nhấm nháp sự tan rã của chính mình. Những "cảm giác lạ" xuất hiện chính là dấu hiệu của việc ý thức không còn làm chủ được cơ thể và bản thể, dẫn đến sự xâm lấn của ý niệm về cái chết. Và như vậy, khi nhận thức bị bẻ gãy, con người rơi vào trạng thái "chưa kịp sống đã già", bị đọa đày bởi những nỗi đau oan nghiệt mà chính họ cũng không hiểu rõ nguồn cơn.

Khủng hoảng nhận thức hiện lên qua sự mất phương hướng trong việc xác định bản thân trước thế giới. Các nhân vật luôn sống trong trạng thái chập chờn, bị ám ảnh bởi những bóng ma quá khứ và những điềm gở tương lai. Sự hoang mang này dẫn đến một nỗi khổ đau sâu sắc về mặt thể xác lẫn tâm hồn. Họ bị giằng xé giữa bản năng sinh tồn và sự vẫy gọi của cõi hư vô. Trạng thái khủng hoảng ở đây chính là việc con người nhận ra rằng cả lí trí lẫn tâm linh đều không thể mang lại câu trả lời thỏa đáng cho câu hỏi về ý nghĩa cuộc đời, khiến họ bị mắc kẹt trong một khoảng không gian trống rỗng, nơi chỉ còn lại sự oan nghiệt và khổ hạnh. Sartre gọi đây là "sự tuyệt vọng" khi nhận thức về giới hạn: "Nó muốn nói rằng chúng ta đành phải trông cậy vào những gì thuộc về ý chí của chúng ta, hay vào toàn bộ những khả năng khiến cho hành động của chúng ta có thể trở nên khả hữu. Khi người ta muốn một điều gì đó thì luôn luôn có những yếu tố có thể xảy ra"[1]. Cuối cùng, sự khủng hoảng nhận thức chứng minh tính chất bi kịch của con người hiện sinh trong tác phẩm. Sự biến mất của Ngân vào rừng sâu là ví dụ của việc nhận thức đã hoàn toàn đầu hàng trước cái phi lí. Con người không còn khả năng tự chủ mà trở thành những thực thể bị dẫn dắt bởi những nỗi sợ mơ hồ. Sự đọa đày tâm hồn không chỉ đến từ các thế lực bên ngoài mà đến từ chính sự tan rã của nhận thức bên trong. Họ trở thành "những đứa trẻ chết già" hay nói đúng hơn là những sinh linh mang gánh nặng của thời gian và nghiệp chướng nhưng lại hoàn toàn vô định về tương lai, bị giam cầm vĩnh viễn trong một vòng lặp của khổ đau và siêu thực.

3.2. Con người thất bại trong việc thiết lập các mối quan hệ với tha nhân

Trong thế giới nghệ thuật của *Những đứa trẻ chết già*, các nhân vật sống cạnh nhau nhưng không thể thiết lập những mối quan hệ tinh thần thật sự. Dù tồn tại các tiếp xúc vật lí, chúng không dẫn đến sự gặp gỡ ý thức. Mỗi cá nhân hiện hữu như một chủ thể cô độc, không chia sẻ hay được thấu hiểu. Ví dụ, quan hệ hôn nhân của "ông" chỉ dừng ở hình thức bên ngoài, không tạo ra kí ức hay kết nối nội tâm: "Ông đến với người đàn bà thứ hai, bà này sắc sảo hơn, to béo hơn, nhưng không cho ông một đứa con, một kỉ niệm nào cả"[2]. Quan hệ vợ chồng vốn được xem là nền tảng của đời sống, là mối quan hệ gần gũi, gắn bó nhất nhưng trong thế giới nghệ thuật của tác phẩm lại trở thành một dạng kết nối trống rỗng, không sản sinh kí ức, không tạo dựng ý nghĩa, cũng không xác lập sự hiện hữu tinh thần của các chủ thể trong quan hệ.

Sự đứt gãy này biến quan hệ của con người trở thành giả tạo, thiếu chiều sâu. Dưới quan điểm hiện sinh của Jean-Paul Sartre, con người chỉ ý thức trọn vẹn về bản thể khi được phản chiếu qua ánh nhìn của người khác. Trong tác phẩm của Nguyễn Bình Phương, ánh nhìn này bị rỗng hóa, tha nhân không còn xác nhận sự hiện hữu của chủ thể khác, khiến các nhân vật rơi vào tồn tại bất định. Cộng đồng chỉ còn là tập hợp rời rạc của những cá thể cô độc, sống

[1] Sartre, *Thuyết hiện sinh là một thuyết nhân bản*, 54.
[2] Nguyễn Bình Phương, *Những đứa trẻ chết già*, 28.

cùng không gian nhưng không chia sẻ nền tảng ý nghĩa chung. Khi nhận định "con người được định nghĩa bởi mối quan hệ của anh ta với thế giới và với chính tôi"[1], Sartre muốn nhấn mạnh rằng bản thể con người chỉ được xác lập trong quan hệ liên chủ thể, thông qua việc cái tôi bị đặt dưới ánh nhìn của tha nhân và được ý thức như một hữu thể cho người khác. Tuy nhiên, trong *Những đứa trẻ chết già*, quan hệ ấy đã bị rỗng hóa, ánh nhìn giữa con người với con người không còn khả năng xác nhận hay thừa nhận sự hiện hữu của chủ thể khác. Có lẽ vì thế mà các nhân vật rơi vào trạng thái tồn tại bất định khi cái tôi không còn được phản chiếu trong quan hệ với tha nhân.

Sự đổ vỡ của quan hệ hiện sinh giữa cái tôi và tha nhân đã khiến cộng đồng trong tác phẩm không còn là một chỉnh thể có ý nghĩa mà chỉ là tập hợp rời rạc của những cá thể cô độc. Các nhân vật hiện diện cạnh nhau trong không gian chung là làng Phan, nhưng không chia sẻ được một nền tảng ý nghĩa chung nào. Đây là biểu hiện rõ nét của một khủng hoảng hiện sinh, nơi hiện hữu cùng người khác không còn khả thể và con người buộc phải tồn tại trong cô đơn bản thể không thể vượt thoát: "Tự dưng ông thấy mình cô đơn và lạc lõng khủng khiếp. Cả đời ông chưa được bàn tay phụ nữ nào chăm sóc. Tất cả đều do tự thân ông chống chọi, đôi khi ông thèm được vợ vuốt ve, nũng nịu, nhưng tuyệt nhiên cả hai người đàn bà ấy đều lạnh lùng bỏ qua"[2]. Nguyễn Bình Phương không chỉ khắc họa sự đổ vỡ của các mối quan hệ cộng đồng mà còn đẩy con người vào một trạng thái cực đoan hơn, đó là họ bị tước bỏ khả năng hiện hữu như một chủ thể có ý nghĩa trong quan hệ với tha nhân. Các nhân vật vẫn sống cạnh nhau trong cùng một không gian làng xóm, gia đình, nhưng sự hiện diện của họ không tạo thành mối dây liên kết tinh thần nào, thậm chí không đủ để xác nhận sự tồn tại của nhau.

Trong trạng thái ấy, tha nhân không còn giữ vai trò như một chủ thể đối diện có khả năng xác nhận hay phản hồi sự tồn tại của cái tôi. Sự hiện diện của người khác không mở ra một không gian chung của ý nghĩa, mà chỉ tồn tại như một điều kiện ngoại tại, lạnh lẽo và vô cảm. Con người vì thế tuy vẫn "ở trong quan hệ", nhưng lại không được hiện hữu một cách trọn vẹn trong quan hệ ấy. Hiện hữu trở thành một trạng thái đơn độc ngay cả khi có mặt người khác. Điều đáng chú ý là trong *Những đứa trẻ chết già*, sự tước bỏ khả năng hiện hữu này không diễn ra bằng những xung đột gay gắt hay phủ định trực diện, mà bằng sự im lặng, thờ ơ và thiếu vắng phản hồi. Các nhân vật tồn tại trước nhau mà không thực sự được ghi nhận trong ý thức của người khác. Lời nói không được tiếp nhận, cảm xúc không được đáp lại, hành động không tạo ra sự cộng hưởng. Quan hệ vì thế chỉ còn là một hình thức rỗng, nơi con người hiện diện nhưng không được thừa nhận. Ngay cả khi con người tìm cách khẳng định bản thân thông qua sự hiện diện trước tha nhân, nỗ lực ấy vẫn rơi vào thất bại. Tha nhân không trở thành điểm tựa để cái tôi tự ý thức, mà chỉ làm nổi bật hơn cảm giác bị xóa mờ và bị bỏ rơi. Sự tồn tại của con người không được củng cố bởi quan hệ, trái lại, càng bị làm cho mong manh và thiếu căn cứ.

Có thể nói, trong thế giới nghệ thuật của Nguyễn Bình Phương, quan hệ liên chủ thể không còn là điều kiện đảm bảo cho sự hiện hữu, mà trở thành một không gian trung tính, thậm chí

[1] Jean-Paul Sartre, *Being and Nothingness: An Essay on Phenomenological Ontology* (Philosophical Library, 1956), 345.

[2] Nguyễn Bình Phương, *Những đứa trẻ chết già*, 46.

phủ định sự tồn tại của cá nhân. Con người không bị loại ra khỏi cộng đồng một cách trực tiếp, nhưng lại không có chỗ đứng tinh thần trong cộng đồng ấy. Họ tồn tại bên trong quan hệ, song lại đứng ngoài ý nghĩa của quan hệ. Chính việc bị tước bỏ khả năng hiện hữu trong quan hệ với tha nhân đã đẩy con người vào trạng thái tồn tại bấp bênh, thiếu nền tảng: "Hi vọng về thằng con trai sụp đổ trong lão. Giờ đây lão chỉ hi vọng vào Loan, mặc dù chưa khi nào lão yêu quý nó thực sự. Với lão loại cò lả như con Loan bao giờ cũng chứa đựng những tai họa không thể lường được. Ngồi nghĩ lẩn thẩn, tự dưng lão lại nghi ngờ con gái mình"[1]. Đây là bước trung gian quan trọng trong tiến trình đổ vỡ cấu trúc liên chủ thể của tác phẩm, chuẩn bị cho sự tha hóa toàn diện của con người ở cấp độ sâu hơn, nơi hiện hữu không chỉ mất chỗ dựa ở tha nhân mà còn mất chỗ dựa ngay trong chính ý thức của mình mà Loan và Hải chính là minh chứng rõ nét cho sự tha hóa mạnh mẽ ấy. Hệ quả tất yếu của sự đổ vỡ cấu trúc liên chủ thể trong *Những đứa trẻ chết già* là quá trình tha hóa của con người - một hình thức tồn tại bị tách rời không chỉ khỏi tha nhân mà còn khỏi chính nền tảng nhận thức của bản thân. Trong thế giới nghệ thuật của tác phẩm, ranh giới giữa sống và chết, giữa thực tại và ảo ảnh thường xuyên bị xóa nhòa, khiến ý thức con người rơi vào trạng thái bất ổn kéo dài và dần dần đẩy thực thể vào vùng biên của trạng thái "phi hữu". Khi không còn khả năng phân biệt rạch ròi giữa thực và ảo, con người đánh mất điểm tựa của tri giác, từ đó sống trong trạng thái nghi ngờ thường trực đối với thế giới xung quanh cũng như đối với chính sự tồn tại của mình.

Sự tha hóa bắt nguồn từ việc con người bị định nghĩa bởi ánh nhìn của người khác, mất quyền chủ động trong tồn tại, đồng thời bị cuốn đi bởi những lực lượng vượt ngoài ý thức. Về điều này, Heidegger đặc biệt nhấn mạnh: "mặc dù mọi người tranh giành, hiếu thắng, muốn vượt qua người khác, nhưng sự thống trị của 'người ta' đã cào bằng tất cả, bóp chết mọi khả năng mạo hiểm ban đầu"[2]. Tức là trong khi con người tưởng rằng mình đang khẳng định cái tôi cá biệt thì thực chất lại đang bị hòa tan vào những chuẩn mực vô danh của "người ta", từ đó đánh mất khả năng lựa chọn và tự định nghĩa bản thân. Nhân vật Loan là minh chứng điển hình cho điều đó khi cô bị "dán nhãn" bởi kì vọng gia đình, sau cú sốc bị Huân lừa dối, cô rơi vào khủng hoảng bản thể. Thay vì tự kiến tạo, cô tìm đến các kết nối tính dục vô nghĩa để tìm thấy cảm giác hiện hữu tức thời. Tuy nhiên, chính lựa chọn ấy lại đẩy cô xa hơn khỏi bản thể đích thực, khi sự tồn tại của cô ngày càng lệ thuộc vào người khác. Nếu đặt trong nhãn quan hiện sinh của Jean-Paul Sartre về sự tồn tại của con người chỉ có thể được xác lập thông qua sự thừa nhận từ ý thức khác ("Con người được định nghĩa bởi mối quan hệ của anh ta với thế giới và với chính tôi")[3] thì khi sự thừa nhận ấy không còn hoặc chỉ tồn tại dưới dạng ánh nhìn chiếm hữu và sử dụng, bản thể cá nhân sẽ rơi vào trạng thái tha hóa, khiến ý thức không còn đủ năng lực tự xác lập giá trị cho chính mình. Loan đã trượt dài trong sự trống rỗng bản thể để rồi chính cô trao số phận mình vào dục vọng của kẻ khác: "Tự dưng em muốn làm điếm kinh khủng. Làm điếm sẽ có tiền, mà đỡ vất vả"[4]. Cơ thể cô hiện diện một cách trần trụi, nhưng ý thức cá thể lại ngày càng tan rã, không còn khả năng tự xác lập giá trị hay ý nghĩa cho chính mình.

[1] Nguyễn Bình Phương, *Những đứa trẻ chết già*, 34.
[2] Lưu Phóng Đồng, *Triết học phương Tây hiện đại* (NXB Chính trị quốc gia, 1994), 255.
[3] Sartre, *Being and Nothingness*, 320.
[4] Nguyễn Bình Phương, *Những đứa trẻ chết già,* 86.

Qua nhân vật Loan, Nguyễn Bình Phương không nhằm phán xét đạo đức cá nhân, mà phơi bày một dạng tha hóa phổ biến của con người trong một xã hội nhiễu nhương, nơi đồng tiền và dục vọng lên ngôi, còn các mối quan hệ liên chủ thể thì suy kiệt. Loan tồn tại như một minh chứng cho tình trạng con người bị tách rời khỏi tha nhân, khỏi cộng đồng ý nghĩa, và cuối cùng là khỏi chính bản thân mình - một tồn tại sống mà như đã chết đúng với tinh thần hiện sinh u ám xuyên suốt tác phẩm.

3.3. Con người mặc cảm trong việc nhận thức thân phận

Con người trong *Những đứa trẻ chết già* vẫn luôn đắm chìm trong mặc cảm về bổn phận mà gia đình, dòng tộc đã mặc định giao phó kể từ khi họ sinh ra. Cho dù họ có cố gắng vẫy vùng thoát khỏi hay nỗ lực thực hiện yêu cầu của dòng dõi nhưng cuối cùng, họ đều bị mắc kẹt trong một cảm thức mơ hồ, bất lực dẫn đến sự tha hóa không đáng có, tức là "đã đồng hóa mình với cơ năng để hành động. Có nghĩa là không những nó hành động như một cái máy không hồn, nó đánh mất nhân vị của mình, 'ăn theo' tư tưởng của người khác, của một tập đoàn người nào đấy không sao dứt ra được"[1]. Vì thế, trong vô thức, nhân vật đã chấp nhận những nhiệm vụ "trời ban", sống chỉ nhằm thực hiện một vai trò đã được lập trình sẵn, chấp nhận trở thành một công cụ lao động phục vụ cho lợi ích gia đình như một hình thức tự hiến dâng: "Bây giờ ta quyết định giao cho cháu một việc. Đây là nhiệm vụ thiêng liêng của dòng họ. Dòng họ ta có giàu lên hay lụi bại đi là nhờ cháu"[2]. Tính phi lí ở đây hiện hữu như một hình thức chiếm lĩnh tâm hồn, khiến con người dần kẹt trong một chu kì của sự cam chịu mà không có một khả năng tự trị hay một sự phản kháng nào. Bên cạnh đó, tính phi lí hiện sinh còn kéo con người tham gia vào những phiên tòa xét xử nội tâm, để họ tự mình dằn vặt, kết án như một cách bảo toàn thân xác: "Bao lâu tôi sống trong tình trạng tầm thường, tôi còn bị chôn vùi dưới làn sóng quần chúng vô danh và vô nhân vị. Tôi chưa dám là tôi. Tôi vẫn cam làm 'người ta'. Tôi không có nhân cách"[3].

Tiểu thuyết *Những đứa trẻ chết già* tồn tại trong một không gian khép kín, nơi các giá trị luân lí thông thường đang dần biến dạng và không còn đủ năng lực trở thành điểm tựa niềm tin khách quan cho việc nhìn nhận, xác lập và định hướng các chuẩn mực đạo đức. Khi đó, mỗi nhân vật đều tồn tại trong một phức cảm tự ti nhất định: "Vây quanh ông là sự mù mịt, hoang mang"[4]. Ở tầng cao nhất, mặc cảm hiện sinh hiện diện như một dấu hiệu đặc trưng cho những xung đột trong thế giới phi lí. Tại đây, sự phát triển tâm lí không trọn vẹn trước nỗi khao khát hòa quyện và xung đột đạo đức đã hình thành những tổn thương tâm lí và sự đình trệ, mắc kẹt mà không có khả năng tiến về phía trước. Cũng từ đó, tâm lí vận hành theo một trật tự phi logic, lặp lại như một hình thức để ức chế cảm xúc, nhưng đồng thời cũng giam cầm con người trong guồng quay nghiệt ngã của chu kì tái lặp. Chấn thương tâm lí vì vậy không phải chỉ là những vùng kí ức trong vô thức mà nó luôn được nhân vật gieo rắc, truyền tải đến các thế hệ sau, khiến họ không ngừng hoài nghi và khủng hoảng bản thể. Điển hình là việc lão

[1] Nguyễn Tiến Dũng, *Chủ nghĩa hiện sinh: lịch sử, sự hiện diện ở Việt Nam* (NXB Chính trị quốc gia, 1999), 102.
[2] Nguyễn Bình Phương, *Những đứa trẻ chết già,* 129.
[3] Trần Thái Đỉnh, *Triết học hiện sinh* (NXB Văn học, 2005), 30.
[4] Nguyễn Bình Phương, *Những đứa trẻ chết già,* 96.

Liêm mất niềm tin ở đứa con trai và từ đó vô thức đẩy Hải đến một thế giới đầy hoang mang, chán chường và lầm lỗi: "Hắn muốn đi biệt đâu đó để thoát khỏi mọi người trong gia đình"[1].

Nằm trong khuynh hướng khai thác những lo âu, hoài nghi, khủng hoảng căn tính của một thế hệ hậu chiến đầy đau thương và mất mát của văn học Việt Nam sau năm 1986, tiểu thuyết *Những đứa trẻ chết già* của Nguyễn Bình Phương đã gặp gỡ với tư tưởng hiện sinh của Jean-Paul Sartre: "Người hiện sinh sẵn sàng tuyên bố rằng con người là sự lo âu"[2]. Nghĩa là con người luôn có một nghi vấn nhất định về sự tồn tại bản thể, luôn hoài nghi về chính căn tính và giá trị tồn tại của mình. Trong bối cảnh đó, thân phận con người hiện hữu như một bản thể đầy mong manh và những hờ mang một nỗi sợ mà chính họ cũng không rõ căn nguyên: "Một nỗi buồn cố hữu xâm chiếm cơ thể ông. Ta đi đâu. Ta đang ra đi hay trở về. Câu hỏi quay ong ong trong đầu ông. Ông lại rơi vào trạng thái hoang mang"[3]. Tác giả liên tục đặt nhân vật vào những niềm nghi ngại không tên về thân phận. Khi những kí ức trong quá khứ không ngừng giày vò, hiện tại thì mông lung, tương lai thì mờ mịt, con người dần rơi vào một trạng thái tồn tại phi lí dưới dạng thức khát vọng sống mãnh liệt nhưng bị kìm hãm dưới sự áp chế của tha nhân, tâm lí bơ vơ nhưng càng lạc lõng lại càng muốn đối diện trung thực với số mệnh. *Những đứa trẻ chết già* hiện hữu với những ngữ liệu mong manh, rời rạc, đứt đoạn, rối rắm nhưng không kém phần ám ảnh về xuất thân kì bí của các nhân vật: "Người ta bảo đứa trẻ nào sinh ra cũng khóc. Ngay cả ông cũng không loại trừ khỏi trường hợp đó. Giây phút đầu tiên ông đã bị nỗi buồn viễn xứ bao phủ và ám ảnh đến tận giờ phút này. Ông nhớ láng máng rằng mình đi ra từ một hang động nào đó. Lúc đầu mọi thứ đều đảo lộn xoay tròn và méo mó, chập chờn đến biến dị. Rồi một nguồn năng lượng thừa ùa ra khỏi cổ họng"[4]. Tại đây, khi mỗi người phải đối diện với quá khứ tăm tối, với những định kiến và phán xét khắt khe của tha nhân, họ dường như tìm ra được câu trả lời cho sự hiện hữu đặc thù, nghĩa là phải trải qua một quá trình nhận thức bế tắc và đầy đau đớn thì con người ta mới tìm thấy khát vọng khẳng định, chứng minh bản thể giữa một xã hội mang đầy nghi vấn mà không có một lời hồi âm chính xác. Từ đó, mỗi cá nhân tồn tại một cách độc lập, bởi lẽ họ không còn có khả năng chia sẻ, đoàn kết, thấu hiểu với những người xung quanh. Sự tồn tại tự thân ấy đã dẫn đến những đứt gãy tình cảm, những lung lay về thân phận, xác nhận trạng thái tâm lí lo âu và liên tục hoài nghi về sự sống của chính mình: "Sau đó là thời kì ông cảm thấy những biến đổi dữ dội trong cơ thể cũng như tính tình. Ông hay cáu gắt, bực tức và ít đi chơi hơn. Ông tránh nói chuyện hoặc đi cùng em gái. Ông biết mình là người lớn. Ông đầy ứ một cái gì đó và cũng thiếu hụt cái gì đó. Ông lánh xa mọi người, ngồi bó gối hàng giờ, nghĩ vẩn vơ đến những miền đất xa lạ, heo hút trong tưởng tượng"[5].

Ám ảnh cô đơn chính là một trong những chất xúc tác mạnh mẽ cho hành động mang tính nhận thức của mỗi nhân vật trong tiểu thuyết *Những đứa trẻ chết già.* Tại đây, các mối quan hệ đều được thiết lập dựa trên nền tảng cô đơn, mỗi con người đều như một cá thể cô đơn biệt lập, tự dồn nén mình vào vực thẳm của sự giày vò tâm lí. Từ đó, với họ, sự giải vây về thể xác

[1] Nguyễn Bình Phương, *Những đứa trẻ chết già*, 269.
[2] Sartre, *Thuyết hiện sinh là một thuyết nhân bản*, 37.
[3] Nguyễn Bình Phương, *Những đứa trẻ chết già*, 264.
[4] Như trên, 261.
[5] Như trên, 140.

chính là một cách để tìm kiếm bản ngã, nhận diện bản thân, hòa nhập cộng đồng. Vì vậy, hành vi tính dục như một cách hợp thức hóa mối quan hệ giữa người với người: "Loan bị giáng đòn xây xẩm cả mặt mày, cô lao vào các cuộc tình ngày một mãnh liệt, chóng vánh"[1], hoặc chính là một nỗ lực ngấm ngầm tìm kiếm sự đồng điệu để chữa trị cho những vết cắt sâu hoắm nhưng lại khiến ham muốn biến dạng, tâm lí lệch lạc và góp phần mở ra tấn bi kịch liên tiếp khi càng khao khát gắn kết thì càng bị đẩy vào vùng tối của sự li khai: "Ông cảm thấy mình cô đơn kinh khủng, chính điều này phần nào đó đã đẩy ông hướng về Xoan như một lối thoát duy nhất"[2]. Cảm thức cô đơn đã đẩy con người vào trạng thái rối loạn và vi phạm những giá trị đạo đức, từ đó tạo điều kiện cho quá trình nhìn nhận bản ngã mang đậm màu sắc hiện sinh, cụ thể là tính nghịch lí đầy tăm tối và dễ dàng sa ngã.

Những đứa trẻ chết già là một bản án lưu đầy con người trong một thế giới đã phai nhạt niềm tin, nơi những mối quan hệ là một khoảng trống của sự bất an, nơi những điều phi lí đang dần chiếm hữu thực tại: "Đến mức anh em, họ hàng, chồng vợ, cũng trở thành cái gì đó mang tính kinh hoàng, ghê rợn. Không ai hiểu ai. Không ai tin ai"[3]. Nguyễn Bình Phương đã khắc họa một thực tại tàn khốc, khi gia đình không còn là chỗ dựa, khi hôn nhân không còn là sự đồng hành tuyệt đối, khi đạo đức đã xuống cấp trầm trọng thì cảm thức độc hành tồn tại như nhân chứng có vai trò phán quyết khả năng kết nối xã hội. Và hơn hết, chỉ khi xuất hiện sự đổ vỡ trong các mối quan hệ thì các nhân vật trong *Những đứa trẻ chết già* mới có thể đạt đến sự tự do: tự do thoát khỏi trách nhiệm, thoát khỏi nghĩa vụ mà số mệnh đã an bài. Những nhận thức về nỗi niềm đơn côi, về cái chết không phải hành vi đầu hàng, càng không phải hành động làm nhòe đi nhân tính mà ngược lại có nhiệm vụ hoàn tất nhân tính. Tức là cái chết của một con người, nhận thức về nỗi cô đơn của họ chính là một hành vi mang tính đạo đức, là một hình thức nhân tính hóa một cách thuần khiết và đầy day dứt: "Hiện sinh trung thực không sợ cô đơn vì thế không lẩn tránh cô đơn mà đối diện với cô đơn với tư cách là một nhân vị"[4]. Nhân vật "ông" mang nhiều tâm sự nội tâm: "Ông không quen ai và cũng không nói chuyện với ai ở vùng quê tưởng tượng đó. Ông cô đơn. Một nỗi cô đơn mang khoái cảm ủ ê, tuyệt vọng"[5], cũng chính là một kiểu nhân vật tiềm tàng niềm cô đơn cố hữu xuyên suốt tác phẩm. Có thể thấy, với "ông", cô đơn không chỉ là một cảm thức mang tính ám ảnh mà còn là một sự lựa chọn, một nỗ lực vượt thoát khỏi những ràng buộc mang tính thúc ép, một sự thức tỉnh về thân phận mang tính cứu rỗi, một ý thức trách nhiệm nặng nề và trọn vẹn cho nhiệm vụ bảo toàn căn tính. Vì vậy, tính phi lí hiện hữu ở chỗ con người càng ý thức sâu sắc về ý nghĩa của sự tồn tại thì lại rơi vào hố sâu của bản án cô đơn tuyệt đối.

4. Kết luận

Tiểu thuyết *Những đứa trẻ chết già* của Nguyễn Bình Phương đã xây dựng hình tượng những con người hiện sinh khi các nhân vật của tác phẩm thường sống trong cảm giác bất

[1] Nguyễn Bình Phương, *Những đứa trẻ chết già*, 83.
[2] Như trên, 141.
[3] Như trên, 203.
[4] Nguyễn Tiến Dũng, "Quan niệm của thuyết hiện sinh về sự cô đơn và ý nghĩa nhân sinh của nó trong xã hội phát triển," *Tạp chí Khoa học Đại học Huế* 128, số 6C (2019), 52.
[5] Nguyễn Bình Phương, *Những đứa trẻ chết già*, 142.

an, thiếu chỗ dựa tinh thần, dễ rơi vào hoang mang và không tìm thấy một ý nghĩa sống chắc chắn nào để bám vào. Bi kịch của họ không chỉ là chuyện riêng của từng người, mà gắn với cách con người tồn tại trong một thế giới có nhiều vết rạn nứt. Khi niềm tin vào thực tại sụp đổ, nhân vật có xu hướng dựa dẫm vào tâm linh để tự trấn an, nhưng đó chỉ là chỗ dựa tạm thời và dễ kéo họ vào trạng thái rối loạn, nhập nhằng giữa thực và ảo. Các mối quan hệ giữa người với người bị đứt gãy khiến nhân vật khó kết nối với người khác, ngày càng cô độc và dễ bị kéo vào sự tách rời, tha hóa. Cái phi lí xuất hiện dày đặc trong đời sống nhân vật, làm họ luôn hoài nghi, mặc cảm và phải nhìn lại thân phận của mình. *Những đứa trẻ chết già* không chỉ dựng lên một thế giới nhiều biến cố và dị thường, mà còn đặt con người vào tình thế phải sống khi mọi điểm tựa đều trở nên lung lay. Khi thực tại khó tin cậy, tâm linh chỉ giúp yên lòng trong chốc lát, còn các mối quan hệ không đủ bền chắc để nâng đỡ sẽ khiến con người dễ rơi vào cảm giác lạc lõng và trống rỗng ngay giữa cộng đồng. Cảm thức phi lí vì thế không chỉ là không khí của tác phẩm mà còn trở thành trải nghiệm thường trực, khiến nhân vật vừa muốn tìm lối thoát vừa càng lúc càng bế tắc, vừa muốn khẳng định bản thân vừa bị kéo về phía nghi ngờ và mặc cảm. Chính việc đẩy con người vào tận cùng của sự đơn độc và cái phi lí đã khiến tiểu thuyết *Những đứa trẻ chết già* trở thành một bản thông điệp đầy ám ảnh về cuộc vật lộn nhọc nhằn để định vị bản ngã trong một thế giới đang dần rệu rã những điểm tựa[1].

Tài liệu tham khảo

Lưu Phóng Đồng. *Triết học Phương Tây hiện đại.* Tập III. NXB Chính trị quốc gia, 1994.

Nguyễn Bình Phương. *Những đứa trẻ chết già*. NXB Văn học, 1994.

Nguyễn Thị Thuỷ. "Phương thức huyền thoại hoá trong tổ chức cốt truyện của tiểu thuyết Nguyễn Bình Phương." Tạp chí *Khoa học Trường Đại học Hồng Đức*, số 52 (2020).

Nguyễn Tiến Dũng. *Chủ nghĩa hiện sinh: Lịch sử, sự hiện diện ở Việt Nam*. NXB Chính trị quốc gia, 1999.

Nguyễn Tiến Dũng. "Quan niệm của thuyết hiện sinh về sự cô đơn và ý nghĩa nhân sinh của nó trong xã hội phát triển." *Tạp chí Khoa học Đại học Huế*, 128, số 6C (2019).

Sartre, Jean-Paul. *Being and Nothingness: An Essay on Phenomenological Ontology.* Translated by H. E. Barnes. Philosophical Library, 1956.

Sartre, Jean-Paul. *Thuyết hiện sinh là một thuyết nhân bản*. Đinh Hồng Phúc dịch. NXB Tri thức, 2015.

Thụy Khuê. "Khuynh hướng hiện thực huyền ảo trong *Những đứa trẻ chết già*." 2000. http://thuykhue.free.fr/stt2/nbphng.html

Trần Thái Đỉnh. *Triết học hiện sinh*. NXB Văn học, 2005.

[1] Nghiên cứu này được tài trợ bởi Nguồn ngân sách khoa học và công nghệ Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh trong đề tài sinh viên NCKH năm học 2025-2026.